

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST

Ngày: 19/9/2025

Về việc: “Tranh chấp đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Danh Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Lý Khang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXX-ST, ngày 05/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-DS, ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị Cẩm T, sinh năm 20...

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh A.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị R, sinh năm 19...

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh A.

(Tại phiên tòa, chị Cẩm T có mặt, bà R vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2025 của chị Lý Thị Cẩm T, bản tự khai của chị Cẩm T, nội dung phiên không hòa giải được ngày 05/8/2025, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

*** Chị Lý Thị Cẩm T trình bày:**

Tôi và con trai của bà Lê Thị R là anh Phạm Lê T thành vợ chồng do mai mối, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới vào ngày 05/5/2024 âm lịch. Ngày cưới, cha mẹ tôi cho tôi 01 chiếc lắc 02 chỉ vàng 24K, dì bảy tôi cho tôi 01 chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24K; cha mẹ chồng cho vợ chồng tôi 01 chiếc kiềng 01 chỉ vàng 24K, 02 chiếc nhẫn vàng 18K tôi không rõ trọng lượng, 01 đôi hoa tai 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc tay 01 chỉ vàng 24K. Sau khi làm đám cưới thì tôi ở bên nhà chồng. Vợ chồng tôi cưới nhau được 03 ngày, đến ngày 08/5/2024 âm lịch thì mẹ chồng tôi là bà Lê Thị R kêu tôi vô phòng tôi bảo tôi đưa cho bà R giữ 01 chiếc lắc

02 (hai) chỉ vàng 24K của tôi, bà R có hứa sau ít ngày bà R bán đất sẽ trả lại số vàng này cho tôi; lúc đó tôi mới về làm dâu nên bà R bảo tôi đưa vàng cho bà R giữ thì tôi cũng đành phải đưa. Số vàng tôi đưa cho bà R giữ là của cha mẹ ruột tôi cho tôi làm của hồi môn khi tôi đi lấy chồng. 03 (ba) chỉ vàng 24K bên chồng cho thì tôi đã bán để sửa mũi và chi xài hết, 01 chiếc nhẫn cưới bằng vàng 18K tôi đeo thì chồng tôi bảo tôi mang đi cầm lấy số tiền 2.000.000 đồng cho chồng tôi đi mua điện thoại, còn 01 chiếc nhẫn cưới bằng vàng 18K chồng tôi đeo thì chồng tôi bán để chi xài hết.

Ít ngày sau thì hai vợ chồng tôi mâu thuẫn nên không chung sống với nhau nữa, tôi về nhà cha mẹ ruột tôi sinh sống. Vợ chồng tôi chỉ chung sống với nhau được hơn 01 tháng thì chia tay luôn cho đến nay. Tôi có đến nhà chồng hỏi xin lại số vàng mà mẹ chồng mượn tôi thì cả ba và mẹ chồng tôi có hứa trả và xin khất lại ít ngày, nhưng họ chỉ hứa mà không trả cho tôi. Sau đó, tôi làm đơn gửi chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành.

Tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị R phải trả cho tôi 02 (hai) chỉ vàng 24K.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Lê Thị R theo quy định của pháp luật nhưng bà Lê Thị R không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Lê Thị R.

* *Tại phiên tòa*, chị Lý Thị Cẩm T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên và đồng ý lấy giá vàng 24K tại thời điểm Tòa án xét xử vụ án là 11.390.000 đồng/chỉ, không yêu cầu chồng của bà Lê Thị R phải cùng có trách nhiệm với bà R thanh toán nợ cho chị Cẩm T.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Cẩm T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp:

Do phát sinh tranh chấp trong việc đòi lại tài sản nên chị Lý Thị Cẩm T khởi kiện bà Lê Thị R tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/5/2025 (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang); Bà Lê Thị R có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp P, xã T, tỉnh A. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Lê Thị R không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi tài sản” thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) theo các quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ngày 06/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang) đã phân công Kiểm sát viên Nguyễn Thế Nam kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo Quyết định số 144/QĐ-VKS-DS (BL 19). Ngày 07/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang phân công Kiểm sát viên Trương Thị Mỹ Tiên tham gia phiên tòa theo Quyết định số 45/QĐ-VKS-DS (BL 39) nên Kiểm sát viên Trương Thị Mỹ Tiên tham gia phiên tòa hôm nay.

1.3. Về việc vắng bà Lê Thị R tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS, ngày 05/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-DS, ngày 22/8/2025 cho bà Lê Thị R theo quy định của pháp luật, bà R vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Lý Thị Cẩm T, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị R theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Cẩm T:

Tuy bà Lê Thị R không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án theo yêu cầu của Tòa án, nhưng theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và biên bản hòa giải ngày 12/5/2025 của áp Phước Ninh (BL 03-06) thể hiện: Ngày 08/5/2024 âm lịch, bà Lê Thị R bảo chị Lý Thị Cẩm T đưa cho bà Ru giữ 01 chiếc lắc 02 (hai) chỉ vàng 24K của chị Lý Thị Cẩm T, bà R có hứa sau ít ngày bà R bán đất sẽ trả lại số vàng này cho chị Cẩm T; bà Lê Thị R thừa nhận là bà R có mượn của chị Cẩm T số vàng này nhưng bà R không đồng ý trả lại cho chị Cẩm T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Lê Thị R không hợp tác, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào cho Tòa án theo yêu cầu của Tòa án- Việc này được xem là bà Lê Thị R từ chối quyền lợi chính đáng của bà Lê Thị R trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án

Qua thảo luận và nghị án, căn cứ vào các Điều 105, 158, 160, 161, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 351, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án buộc bà Lê Thị R phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Lý Thị Cẩm T 02 (hai) chỉ vàng 24K, tương đương với số tiền là 22.780.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày chị Lý Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị R không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho chị Lý Thị Cẩm T, thì

bà Lê Thị R còn phải trả cho chị Lý Thị Cẩm T khoản tiền lãi theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Việc bà Lê Thị R thanh toán số tiền nêu trên cho chị Lý Thị Cẩm T như thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về hướng giải quyết vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Cẩm T.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Tòa án thống nhất:

3.1. Buộc bà Lê Thị R phải có trách nhiệm nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 22.780.000 đồng x 5% = 1.139.000đ (Một triệu, một trăm ba mươi chín ngàn đồng).

3.2. Chị Lý Thị Cẩm T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà chị Lý Thị Cẩm T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010741, ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang).

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 105, 158, 160, 161, khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 351, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc bà Lê Thị R phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị Lý Thị Cẩm T 02 (hai) chỉ vàng 24K, tương đương với số tiền là 22.780.000đ (Hai mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày chị Lý Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị R không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho chị Lý Thị Cẩm T, thì bà Lê Thị R còn phải trả cho chị Lý Thị Cẩm T khoản tiền lãi theo lãi suất được

quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

2-1. Buộc bà Lê Thị Ru phải có trách nhiệm nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.139.000đ (Một triệu, một trăm ba mươi chín ngàn đồng).

2-2. Chị Lý Thị Cẩm T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà chị Lý Thị Cẩm T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010741, ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị Cẩm T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (19/9/2025); Bà Lê Thị R có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang (khi án có hpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương